TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NÔ** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 11/2019/DS-ST Ngày: 20-5-2019 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐĂK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Trọng Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Châu; Ông Phạm Đình Bông.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vi Thế Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Ông Tống Mạnh Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20/5/2019, tại phòng xử án Toà án nhân dân huyện Krông Nô, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 03/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2019 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2019/QĐST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2019, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 15/2019/QĐST ngày 24/4/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông.

Người được bà T ủy quyền: Chị Lê Thị T2; Địa chỉ: thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông - Có mặt

Bị đơn: Bà Hồ Thị T1; Địa chỉ: thôn Xuyên Tân, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/01/2019 và các lời khai tại Tòa án, Nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 25/10/2018 bà Hồ Thị T1 có vay của bà Phạm Thị T số tiền 135.300.000 đồng. Khi vay bà T1 và bà T thống nhất viết giấy vay nợ, thỏa thuận đến cuối năm 2018 bà T1 trả bà T số tiền 85.300.000 đồng, số tiền còn lại đến cuối năm 2019 sẽ thanh toán cho bà T.

Đến thời hạn nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ như thoả thuận mà làm thủ tục sang nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho người khác để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải thanh toán bà T toàn bộ số tiền nợ là 135.300.000 đồng. Bà T không yêu cầu tính lãi.

Theo các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Hồ Thị T1 trình bày: Bà T1 công nhận nội dung có nợ bà Phạm Thị T số tiền 135.300.000 đồng là đúng sự thật. Tuy nhiên các khoản nợ này có nguồn gốc từ việc chơi biêu từ trước chứ không phải bà T1 trực tiếp vay tiền bà T. Con gái của bà T có nợ của bà T1 9.000.000 đồng, bà T1 đề nghị cấn trừ qua khoản tiền 135.300.000 đồng mà bà T1 nợ bà T, bà T1 còn nợ bà T 126.300.000 đồng. Khoản nợ này có nguồn gốc từ việc chơi biêu, do trong dây biêu có người nhận tiền rồi bỏ trốn dẫn đến bà T1 không có khả năng trả tiền biêu cho những người khác nên không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của bà T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khâu thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định, quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, buộc bà Hồ Thị T1 phải thanh toán khoản nợ 135.300.000 đồng cho bà Phạm Thị T.

Về án phí: Bị đơn bà Hồ Thị T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Dân sự tranh chấp về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; Bị đơn bà Hồ Thị T1 có địa chỉ tại thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Đăk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Nô theo; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án: Do quen biết nên ngày 25/10/2018 bà Hồ Thị T1 có vay của bà Phạm Thị T số tiền 135.300.000 đồng. Khi vay bà T1 và bà T thống nhất viết giấy vay nợ, thỏa thuận đến tết năm 2018 bà T1 sẽ thanh toán bà T số tiền 85.300.000 đồng, số tiền còn lại (50.000.000 đồng) đến cuối năm 2019 bà Thuỷ sẽ thanh toán bà T. Khi lập văn bản vay tiền bà Thuỷ ký tên xác nhận việc vay tiền bà T.

[3]. Bà Hồ Thị T1 thừa nhận nợ bà Phạm Thị T số tiền 135.300.000 đồng, khoản nợ này có nguồn gốc từ việc góp biêu tuy nhiên bà Thuỷ không cung cấp được chứng cứ để chứng minh.

Bà T1 đề nghị cấn trừ khoản nợ 9.000.000 đồng của con gái bà T với bà T1 qua khoản tiền 135.300.000 đồng mà bà T1 nợ bà T là không có căn cứ.

[4]. Xét hợp đồng vay tài sản giữa bà Phạm Thị T với bà Hồ Thị T1 được giao kết hợp pháp, phát sinh hiệu lực và các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết. Đến thời hạn nhưng bà T1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ của bên vay mà làm thủ tục sang nhượng toàn bộ quyền sử dụng đất cho người thân để tẩu tán tài sản, trốn tránh nghĩa vụ thanh toán nợ nên bà T khởi kiện yêu cầu bà T1 phải thanh toán cho bà T số tiền 135.300.000 đồng là có căn cứ.

[5]. Về tiền lãi: Không có yêu cầu nên không đề cập .

[6]. Về án phí :

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bà Hồ Thị T1 phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền mà bà Hồ Thị T1 phải thanh toán bà Phạm Thị T. Cụ thể bà Hồ Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 135.300.000 đồng x 5% = 6.765.000 đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Phạm Thị T.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 274; Điều 275; Điều 463; Điều 466 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Hồ Thị T1 phải thanh toán cho bà Phạm Thị T số tiền 135.300.000 đồng.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Hồ Thị T1 phải chịu 6.765.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Phạm Thị T 3.382.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0003130 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Nô.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án cấp trên yêu cầu xét xử phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Quách Trọng Sơn

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *VKSND huyện Krông Nô (02 bản);*
- *Chi cục THADS huyện Krông Nô;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*